TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-6-2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương.

Ông Đinh Ngọc Dình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp B, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã T, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp B, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Cẩm N là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà N và ông C kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Bà N và ông C chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N và ông C không hợp nhau, thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống. Bà N và ông C không còn sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà N quyết định ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà N và ông C có 01 con chung tên Trần Ngọc Yến Vy, sinh ngày 20/6/2007, hiện nay con sống chung với ông C, bà N đồng ý để cho ông C trực tiếp nuôi con, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Bà N cam kết là bà N và ông C không có nợ chung.

Ông Trần Văn C là bị đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông C đồng ý với bà N về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có cãi nhau. Nay bà N đề nghị ly hôn thì ông C không đồng ý ly hôn, ông C mong muốn vợ chồng hàn gắn vì mâu thuẫn nhỏ.

Về con chung: Ông C và bà N có 01 con chung tên Trần Ngọc Yến Vy, sinh ngày 20/6/2007, hiện nay con sống chung với ông C. Ông C yêu cầu giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Ông C cam kết bà N và ông C không có nợ chung.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Trần Văn C kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông C, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bà Nguyễn Thị Cẩm N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Trần Văn C.

[3] Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Trần Văn C sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N và ông C không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà N và ông C không còn sống chung từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Ông C không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không có cách nào để vợ chồng hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Trần Văn C có 01 con chung tên Trần Ngọc Yến Vy, sinh ngày 20/6/2007, hiện nay con sống chung với ông C, bà N đồng ý để cho ông C trực tiếp nuôi con, bà N không cấp dưỡng nuôi con. Ông C yêu cầu giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con. Con

chung tên Trần Ngọc Yến Vy mong muốn được sống chung với ông C. Yêu cầu của ông C phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Trần Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm N, cho bà Nguyễn Thị Cẩm N ly hôn với ông Trần Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Yến Vy, sinh ngày 20/6/2007 cho ông Trần Văn C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Cẩm N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Cẩm N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008725, ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Trần Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng